

Bản án số: 01/2018/HC-PT
Ngày: 28 - 5 - 2018
“V/v khởi kiện quyết định thu hồi
Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hưng Bính.
Các Thẩm phán: Ông Hoàng Trọng Điệp và ông Nguyễn Văn Trung
Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Việt Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Thừa Thiên Huế
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa:
Ông Lê Xuân Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2017/TLPT-HC ngày 09 tháng 11 năm 2017 về việc khởi kiện quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 01/2017/HC-ST ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện V bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2017/QĐ-PT ngày 15 tháng 12 năm 2017 và Thông báo về việc mở phiên tòa số: 1170/TB-TA ngày 08/5/2018; giữa các đương sự:

- 1. Người khởi kiện:* Ông Trương TN, sinh năm 1950;
Trú tại: Thôn KT, xã HP, Huyện N, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Trần N, cộng tác viên Trung Tâm pháp lý Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế;
Địa chỉ: Số 52 đường H, phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.
- 2. Người bị kiện:* UBND huyện V, tỉnh Thừa Thiên Huế;
Địa chỉ: Thị trấn Đ, huyện V, tỉnh Thừa Thiên Huế.
Người đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện: Ông Hồ Viết N, chức vụ: Phó chủ tịch UBND huyện V, tỉnh Thừa Thiên Huế (theo văn bản uỷ quyền số: 143/QĐ-UBND, ngày 24/01/2017 của Chủ tịch UBND huyện V, tỉnh Thừa Thiên Huế), có mặt.
- 3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trương Thị V, sinh năm 1944; trú tại: Thôn 4 U, xã A, huyện V, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt (đã ủy quyền cho ông Trương TN vào ngày 02/8/2017).

2. Ông Trương B, sinh năm 1946; địa chỉ: Tổ 92, Phường B, quận S, thành phố Đà Nẵng (đã chết ngày 19/4/2017);

* Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Trương B:

+ Bà Trương Thị S, sinh năm 1970; địa chỉ: 106 A, Phường B, quận S, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt (đã ủy quyền cho ông Trương TN vào ngày 24/7/2017).

+ Bà Trương Thị N, sinh năm 1972; địa chỉ: 3H T-Tổ 24H, quận C, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt (đã ủy quyền cho ông Trương TN vào ngày 24/7/2017).

+ Ông Trương Minh N1, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ 92, Phường B, quận S, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt (đã ủy quyền cho ông Trương TN vào ngày 24/7/2017).

+ Ông Trương Minh P1, sinh năm 1978; địa chỉ: 106 A, Phường B, quận S, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt (đã ủy quyền cho ông Trương TN vào ngày 24/7/2017).

+ Bà Trương Minh K, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ 92, Phường B, quận S, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt (đã ủy quyền cho ông Trương TN vào ngày 24/7/2017).

+ Ông Trương Minh P2, sinh năm 1986; Tổ 92, Phường B, quận S, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt (đã ủy quyền cho ông Trương TN vào ngày 24/7/2017).

3. Ông Trương Minh N2, sinh năm 1950; địa chỉ: Khu 3 Ấp P, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai (đã chết ngày 21/3/2011);

* Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Trương Minh N2:

+ Ông Trương Minh L, sinh năm 1976; địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai, vắng mặt (đã ủy quyền cho ông Trương TN vào ngày 20/7/2017).

+ Bà Trương Thị D, sinh năm 1979; địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai, vắng mặt (đã ủy quyền cho ông Trương TN vào ngày 20/7/2017).

+ Ông Trương Minh T, sinh năm 1994; địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai, vắng mặt (đã ủy quyền cho ông Trương TN vào ngày 20/7/2017).

+ Bà Trương Thị H, sinh năm 1991; địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai, vắng mặt (đã ủy quyền cho ông Trương TN vào ngày 20/7/2017).

4. Bà Trương Thị B, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn 1 U, xã A, huyện V, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt (đã ủy quyền cho ông Trương TN vào ngày 02/8/2017).

5. Ông Trương Minh Q, sinh năm 1967; địa chỉ: 219/5 đường S, phường T, thành phố T, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, vắng mặt (đã ủy quyền cho ông Trương TN vào ngày 10/7/2017).

Người làm chứng:

Ông Hoàng L; Địa chỉ: Thôn 1, Xã A, huyện V, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

Ông Nguyễn M và bà Hoàng Thị V; Địa chỉ: Thôn 1, xã A, huyện V, tỉnh Thừa Thiên Huế. Ông M vắng mặt, bà V có mặt.

4. *Người kháng cáo:* Ông Trương TN, người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/6/2012, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên toà ông Trương TN trình bày: Nguồn gốc thửa đất số 306, tờ bản đồ số 12, diện tích 7.776m², tọa lạc tại thôn U, xã A, huyện V, tỉnh Thừa Thiên Huế là do bố mẹ ông canh tác, sử dụng ổn định từ trước năm 1975 cho đến nay, đã được chế độ cũ quyết định cấp quyền sở hữu đất chiếm canh tại xã U, quận L, tỉnh Thừa Thiên. Trong quá trình sử dụng đất, bố mẹ ông đã trồng cây lâm nghiệp, cây dương liễu, trầm hoa vàng và chôn cất mộ má ông bà.

Năm 2002 bố, mẹ ông lập hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được UBND xã A xét duyệt. Ngày 26/4/2002, UBND huyện V đã ra Quyết định số: 585/QĐ-UB cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: R949738 với tổng diện tích 7.776m², trong đó 400m² đất ở và 7.376m² đất nông nghiệp cho bố mẹ ông là ông Trương T và bà Nguyễn Thị G theo khoản 2 Điều 10, khoản 1 Điều 50 Luật đất đai 2003. Đến năm 2008, mẹ ông có xây dựng 01 ngôi nhà khoảng 12m².

Nhưng ngày 07/4/2009 UBND huyện V, tỉnh Thừa Thiên Huế đã ra Quyết định số: 807/QĐ-UBND về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R949738 đã cấp cho bố mẹ ông là ông Trương T và bà Nguyễn Thị G với lý do: Thửa đất số 306, tờ bản đồ số 12, diện tích 7.776m² mà UBND huyện V đã cấp cho bố mẹ ông là không đúng đối tượng và mục đích sử dụng đất. UBND huyện V đã căn cứ Chỉ thị 299/TTg năm 1980, đó là văn bản triển khai thực hiện Quyết định số 201- CP ngày 01/7/1980 của Hội đồng chính phủ để ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Chỉ thị 299/TTg là văn bản chỉ đạo thực hiện tổng đo đạc, kiểm kê đất đai của cả nước, văn bản này chỉ có giá trị tham khảo chứ không phải là văn bản quy phạm pháp luật lấy đó làm căn cứ xác định quyền của người sử dụng đất để ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông. Không đồng ý với Quyết định số: 807/QĐ-UBND ngày 07/4/2009 của UBND huyện V, nên ngày 30/6/2009 mẹ ông bà Nguyễn Thị G đã làm đơn khiếu nại đối với quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện V.

Ngày 27/8/2009, mẹ ông là bà Nguyễn Thị G nhận được Quyết định số: 2924/QĐ-UBND ngày 27/8/2009 của Chủ tịch UBND huyện V về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị G với nội dung: Bác nội dung khiếu nại của mẹ ông và khẳng định việc UBND huyện V ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R949738 là đúng với lý do: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 306, tờ bản đồ số 12, diện tích 7.776m² là trái với quy định của pháp luật vì loại đất này là loại đất bằng chưa sử dụng do UBND xã

A quản lý, trên đất từ trước đến nay không có nhà ở mà chỉ có một số hộ dân tự ý đến trồng cây lâm nghiệp. Mẹ ông không đồng ý với nội dung giải quyết khiếu nại theo Quyết định số 2924/QĐ-UBND ngày 27/9/2009 của Chủ tịch UBND huyện V với lý do thửa đất này là do bố mẹ ông canh tác, sử dụng liên tục từ trước đến nay và đã được chế độ cũ cấp giấy chứng nhận và được UBND cấp giấy chứng nhận, trong quá trình sử dụng đất bố mẹ ông đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người sử dụng đất.

Do tuổi cao sức yếu nên ngày 04/11/2009 mẹ ông và các anh em trong gia đình đã làm giấy ủy quyền cho ông tham gia việc khiếu nại cũng như tham gia tố tụng tại Tòa án liên quan đến việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong quá trình ủy quyền, mẹ ông đã làm đơn khiếu nại Quyết định số: 2924/QĐ-UBND ngày 27/8/2009 của Chủ tịch UBND huyện V đến Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế để giải quyết theo thẩm quyền, trong khi chờ UBND tỉnh giải quyết khiếu nại đến ngày 04/3/2010 thì mẹ ông là bà Nguyễn Thị G qua đời.

Sau khi mẹ ông qua đời, ngày 12/5/2010 UBND tỉnh Thừa Thiên Huế có công văn số: 1908/UBND-KNTC về việc ngưng giải quyết đơn khiếu nại của mẹ ông là bà Nguyễn Thị G và yêu cầu các đồng thừa kế của bà G cử người đại diện hoặc người hưởng quyền thừa kế gửi đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh để được giải quyết theo quy định của pháp luật. Được sự ủy quyền của các đồng thừa kế, cuối tháng 6/2010 ông đã làm đơn khiếu nại quyết định số: 2924/QĐ-UBND ngày 27/8/2009 của Chủ tịch UBND huyện V đến Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế.

Ngày 03/12/2010 ông đã nhận được Quyết định giải quyết khiếu nại số: 2505/QĐ-UBND ngày 03/12/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế với nội dung: Không công nhận nội dung khiếu nại của ông và khẳng định Quyết định giải quyết khiếu nại số: 2924/QĐ-UBND ngày 27/8/2009 của Chủ tịch UBND huyện V là đúng quy định của pháp luật.

Quá trình nhận được các quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện V và Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, ông nhận thấy rằng việc giải quyết khiếu nại đối với Quyết định số: 807/QĐ-UBND ngày 07/4/2009 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R949738 là không đúng quy định của pháp luật.

Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy toàn bộ quyết định số: 807/QĐ-UBND ngày 07/4/2009 của UBND huyện V, tỉnh Thừa Thiên Huế về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: R949738 cấp cho ông Trương T và bà Nguyễn Thị G đối với thửa đất số 306, tờ bản đồ số 12, diện tích 7.776m², tọa lạc tại: Thôn U, xã A, huyện V, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện ông Trần N thống nhất như phần trình bày của ông Trương TN và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 4, khoản 4, Điều 5 và khoản 2 Điều 9 Luật đất đai năm 2003; khoản 3 Điều 42 Nghị định số: 181/2004/NĐ-CP; khoản 4 Điều 21 Nghị định số: 84/2007/NĐ-CP; khoản 3 Điều 20 Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP; khoản 3 Điều 156 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, chấp nhận toàn

bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Trương TN; hủy toàn bộ Quyết định số: 807/QĐ-UBND ngày 07/4/2009 của UBND huyện V, tỉnh Thừa Thiên Huế về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R: 949738 đã cấp cho ông bà Trương T, Nguyễn Thị G.

*** Ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện:**

Về nguồn gốc thửa đất số 306, tờ bản đồ số 12, diện tích 7.776m², tọa lạc tại thôn U, xã A, huyện V, tỉnh Thừa Thiên Huế; theo kết quả kiểm tra hồ sơ 299, thửa đất nói trên thuộc thửa số 133, tờ bản đồ số 13, diện tích 366.000m² loại đất bằng chưa sử dụng do UBND xã A quản lý.

Ngày 26/8/2000 ông Trương T-bà Nguyễn Thị G có đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 306, tờ bản đồ số 12, diện tích 7.776m² (trong đó 400m² đất ở, 7.376m² đất nông nghiệp), tọa lạc tại thôn U, xã A. Đơn được Hội đồng tư vấn xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thông qua ngày 20/11/2000. Ngày 26/4/2002, UBND huyện V có Quyết định 585/QĐ-UBND về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 124 chủ sử dụng đất trên địa bàn xã A, trong đó có hộ ông Trương T-bà Nguyễn Thị G được cấp giấy tại thửa đất số 306.

Tuy nhiên qua kiểm tra thực tế từ trước cho đến thời điểm lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện trạng trên thửa đất là trồng cây lâm nghiệp, hoa màu và chôn cất mồ mả, không có nhà ở. Mặt khác, ông Trương TN không có giấy tờ chứng minh bà Nguyễn Thị G đã sử dụng thửa đất trên làm nhà ở trước thời điểm được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trong khi đó theo quy định tại Điều 52 Luật Đất đai năm 1993, được sửa đổi, bổ sung năm 1998 và 2001 có hiệu lực thi hành tại thời điểm cấp giấy quy định: “Đất ở của mỗi hộ gia đình nông thôn bao gồm đất để làm nhà ở và các công trình phục vụ cho đời sống của gia đình” Nên việc công nhận quyền sử dụng đất ở tại thửa đất không có nhà ở là không đúng thực tế sử dụng.

Do đó việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông, bà Trương T - Nguyễn Thị G tại thửa đất nói trên là trái quy định của pháp luật.

- Ngày 03/12/2008 UBND xã A có tờ trình số: 88/TTr-UBND, ngày 15/12/2008 Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện V có Tờ trình số 508/TT-TNMT đều đề nghị UBND huyện V thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông, bà Trương T-Nguyễn Thị G tại thửa 306, tờ bản đồ 12, diện tích 7.776m², tọa lạc tại thôn U, xã A, huyện V, tỉnh TT Huế với lý do giấy này được cấp không đúng với quy định của pháp luật.

Thực hiện chỉ đạo của UBND huyện V tại Công văn số 65/UBND-ĐĐ ngày 11/02/2009, Thanh tra huyện V đã thẩm tra việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 306, tờ bản đồ số 12 và có báo kết quả thẩm tra số 24/BC-TKTr ngày 18/3/2009 và kiến nghị UBND huyện V thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp.

Nên ngày 07/4/2009 UBND huyện V, tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Quyết định số 807/QĐ-UBND về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R949738 đã cấp cho ông Trương T - bà Nguyễn Thị G tại thửa đất số 306,

tờ bản đồ số 12, diện tích 7.776m², mục đích sử dụng 400m² đất ở, 7.376m² đất nông nghiệp, tọa lạc tại xã A, huyện V, tỉnh Thừa Thiên Huế theo Quyết định số: 585/QĐ-UBND ngày 26/4/2002.

Như vậy, việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện V đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục, thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 21 Nghị định số: 84/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ. Vì vậy, UBND huyện V đề nghị Tòa án nhân dân huyện V bác đơn khởi kiện của ông Trương TN.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 01/2017/HC-ST ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện V đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 3, Điều 30, Điều 31, Điều 115, Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194 Luật tổ tụng hành chính; khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số: 104/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội; Điều 21 Nghị định số: 84/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ; khoản 2 Điều 34 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số: 10/2009/PL-UBTVQH 12, ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trương TN yêu cầu hủy Quyết định số: 807/QĐ-UBND ngày 07/4/2009 của UBND huyện V, tỉnh Thừa Thiên Huế về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R.949738 cấp ngày 26/4/2002 cho ông Trương T- bà Nguyễn Thị G thửa đất số 306, tờ bản đồ số 12, diện tích 7.776m², trong đó 400m² đất ở, 7.376m² đất nông nghiệp, tọa lạc tại thôn U, xã A, huyện V, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/10/2017, người khởi kiện là ông Trương TN có đơn kháng cáo đối với bản án hành chính sơ thẩm số 01/2017/HC-ST ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện V với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc tuân theo pháp luật tố tụng và nội dung kháng cáo của người khởi kiện, Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh có ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng, không có vi phạm gì cần kiến nghị khắc phục. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn kháng cáo của ông Trương TN và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay, người khởi kiện không rút yêu cầu khởi kiện, không rút yêu cầu kháng cáo, các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của người khởi kiện:

Về nguồn gốc thửa đất: Ông Trương TN trình bày: Thửa đất số 306, tờ bản đồ số 12, diện tích 7.776m², tọa lạc tại thôn U, xã A, huyện V, tỉnh Thừa Thiên Huế, ông Trương T và bà Nguyễn Thị G đã sử dụng để trồng hoa màu, cây lâm nghiệp và chôn cất mộ má gia đình, đã được chế độ cũ cấp Quyết định cấp quyền sở hữu đất chiếm canh. Trong quá trình sử dụng, ông Trương T và bà Nguyễn Thị G có thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người sử dụng đất và đã xây dựng nhà ở từ những năm 1975, 1976. Khi kê khai hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Trương T - bà Nguyễn Thị G kê khai tại thửa đất 306, tờ bản đồ 12 thuộc xứ đồng cụm 2, diện tích 7.776m², loại đất thổ cư, có nguồn gốc tự khai hoang năm 1950.

Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành thu thập chứng cứ chưa đầy đủ nhưng không yêu cầu ông Trương TN cung cấp những tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của ông Nhiên là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử xét Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét toàn diện các chứng cứ chứng minh trong vụ án. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm, tại Biên bản làm việc ngày 18/12/2017, ông Trương TN trình bày, trong số diện tích đất 10.910m² mà bố mẹ ông được chế độ cũ cấp Quyết định cấp quyền sở hữu đất chiếm canh, ngoài diện tích đất 1.200m² đã hiến cho UBND xã A làm đường dân sinh, bố mẹ ông còn cho hộ ông Hoàng L và ông Nguyễn M một phần diện tích cắt từ thửa đất nêu trên. Do đó, đối chiếu với họa đồ vị trí thửa đất ở Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND huyện V đã cấp cho bố mẹ ông là hoàn toàn đúng với thực tế mà chế độ cũ đã cấp. Tòa án cấp phúc thẩm đã làm việc với ông L; ông L trình bày ông được ông T và bà G cho một phần đất và gộp vào thửa đất của gia đình ông có diện tích khoảng 5.000 m². Đồng thời, phía gia đình ông Nguyễn M cũng được vợ chồng ông T, bà G cho gần 500 m². Những người này đã nhập phần đất này vào thửa đất của mình để canh tác, họ đã khai trước năm 1975 vợ chồng ông T và bà G cũng làm nhà ở trên đất, sinh các con và nuôi các con của họ trưởng thành ở trên đất. Vợ chồng ông T trồng cây hoa màu, nuôi heo và đào hồ nuôi cá. Từ sau năm 1975 vợ chồng ông T và bà G vẫn ở đó. Tại phiên Tòa hôm nay ông L, bà V (vợ ông M) đều xác nhận vợ chồng ông T, bà G đã làm nhà trên đất và sinh con, nuôi con của họ trưởng thành từ trước năm 1975 cho đến sau này và họ cam đoan về những lời khai này là đúng sự thật. Hội đồng xét xử xét các tài liệu chứng cứ chưa được đối chất làm rõ và chưa thu thập chứng cứ đầy đủ nhưng đã xử bác đơn là chưa có cơ sở vững chắc.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, hủy bản án sơ thẩm và giữ lại hồ sơ vụ án để Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử lại theo thẩm quyền.

[3] Về án phí:

Án phí hành chính sơ thẩm: Sẽ được xem xét, giải quyết khi Tòa án giải quyết lại vụ án

Án phí hành chính phúc thẩm: ông Trương TN không phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 3 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Xử:

1./ Hủy bản án hành chính sơ thẩm 01/2017/HC-ST ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện V và giữ lại hồ sơ vụ án để Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử lại theo thẩm quyền.

2./ Về án phí hành chính sơ thẩm: Sẽ được xem xét, giải quyết khi Tòa án giải quyết lại vụ án.

3./ Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Trương TN không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông Trương TN số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000đồng theo biên lai số AA/2013/003752 ngày 05/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh TT Huế;
- TAND huyện V;
- Chi cục THA huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu HCTP, Tòa HC.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hưng Bính